TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ QUY NHƠN** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 51/2024/QĐST-DS	*Quy Nhơn ngày 21 tháng 03 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ vào Điều 212; Điều 213 của Bộ luật tố tụng Dân sự;
- Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 13 tháng 3 năm 2024 các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bôhj vụ án thụ lý số: 44/2024/TLST-DS ngày 27 thaùng 02 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Nay hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà Trần Thị Trinh T, sinh năm 1978.
Địa chỉ: 90/20 Tô Hiến Thành, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

* Bị đơn: Bà Bùi Thị V, sinh năm 1980;
Ông Lê Tự V sinh năm 1976
Địa chỉ: 62 Nguyễn Thị Yến, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Bà Trần Thị Trinh T và vợ chồng bà Bùi Thị V, ông Lê Tự V thống nhất hiện nay vợ chồng bà V và ông V còn nợ bà T số tiền gốc là 380.000.000 đồng (Ba trăm tám mươi triệu đồng) và tiền lãi 69.666.000 đồng (Sáu mươi chín triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn đồng). Tổng cộng cả gốc và lãi là 449.666.000 đồng (Bốn trăm bốn mươi chín triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn đồng).

- Bà T và vợ chồng bà V, ông V thống nhất cách trả nợ như sau: Vợ chồng bà Bùi Thị V, ông Lê Tự V có nghĩa vụ trả dứt điểm cho bà Trần Thị Trinh T số tiền 449.666.000 đồng đồng (Bốn trăm bốn mươi chín triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn đồng) vào ngày 25/5/2024.

Kể từ ngày bà Tuyết có đơn yêu cầu thi hành án, nếu vợ chồng bà Vinh và ông Vinh không trả hoặc trả không đủ số tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải chịu một khoản tiền lãi theo lãi suất cơ bản do ngân hàng nhà nước quy định tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Bùi Thị V và ông Lê Tự V tự nguyện chịu theo quy định pháp luật là 10.993.000 đồng (Mười triệu chín trăm chín mươi ba nghìn đồng).

Hoàn trả cho bà Trần Thị Trinh T 9.500.000đ(chín triệu năm trăm nghì đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: 0000526, ngày 27/02/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Quy Nhơn.

3. Quyết định này có hiệu lực ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSNDTP Quy Nhơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ

THẨM PHÁN

Thân Trọng Hiền

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày…..tháng……năm ….. về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số:…/…./TLST-.....(3) ngày…tháng… năm.....

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:(4)

……

……

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:(5)

……

……

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)